

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày 02 / 10 / 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hồng;

Ông Đặng Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2019/TLST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành N (C), sinh năm 1987, tại huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đỗ T và bà Trần Thị G; chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Nhân thân:

- Năm 2003, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản; chấp hành xong vào năm 2005.

- Năm 2006, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản; chấp hành xong vào năm 2008.

- Ngày 17/11/2009, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, xử phạt 09 tháng

tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/7/2010.

Bị tạm giữ từ ngày 23/7/2019 đến ngày 26/7/2019 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp Long Quới, xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Đỗ Thị Bé C, sinh năm 1987; nơi cư trú: ấp Long Quới, xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Thiều Phước H, sinh năm 1985; nơi cư trú: ấp Mỹ Phú, xã Mỹ An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

Người làm chứng: Ông Võ Văn P; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Thành N nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô bán. Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 20/7/2019, N quan sát thấy trong sân nhà của Đỗ Thị Bé C, ngụ ấp L, xã L, huyện C, có dựng 01 xe mô tô biển số 67H1-7365 của Nguyễn Thị Đ (cô chồng của C). N lên vào trong sân dẫn xe mô tô 67H1-7365 ra ngoài, mở yên xe thấy chìa khóa trong cốp, nên mở khóa chạy xe đi. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, N điều khiển xe trộm của Đ đến ấp A, xã H gặp Võ Văn P kêu bán, nhưng P không mua vì nghi vấn xe trộm cắp. P kêu N đưa giấy chứng minh nhân dân photo rồi cho N 30.000 đồng, sau đó P đến Công an xã L trình báo. N tiếp tục điều khiển xe đến tiệm sửa xe của Thiều Phước H, ngụ ấp A, xã A, bán xe cho H được 1.500.000 đồng, N tiêu xài hết 440.000 đồng, còn lại 1.060.000 đồng cất giữ. Ngày 23/7/2019, biết hành vi trộm cắp bị phát hiện, nên N đến Công an xã L đầu thú, giao nộp 1.060.000 đồng.

- Vật chứng bị thu giữ: 01 xe mô tô biển số 67H1-7365 và số tiền 1.060.000 đồng; đã trao trả cho Nguyễn Thị Đ 01 xe mô tô 67H1-7365 và trả cho Thiều Phước H 1.060.000 đồng.

- Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 25/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C: 01 xe mô tô biển số 67H1-7365, đã qua sử dụng, trị giá 3.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 30 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên, xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Bị hại bà Nguyễn Thị Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Thiều Phước H, người làm chứng ông Võ Văn P cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Bị cáo có nhân thân không tốt do đã 02 lần bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính và 01 lần bị Tòa án kết án nhưng không sửa đổi. Cho nên, đề nghị xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự, do bà Nguyễn Thị Đ, ông Thiều Phước H không yêu cầu bồi thường, hoàn trả số tiền mà bị cáo đã nhận nên đề nghị không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Mới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Nguyễn Thành N khai nhận, vào khoảng 02 giờ 30 ngày 20/7/2019, khi đi ngang qua nhà bà Đỗ Thị Bé C, thuộc ấp L, xã L, huyện C, bị cáo thấy có 01 xe mô tô biển số 67H1-7365 được dựng trong sân nhà. Sau khi quan sát thấy không có người trông coi, bị cáo dẫn

xe mô tô ra ngoài, dùng tay mở yên xe, lấy chùm chìa khóa mở khóa rồi điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, bị cáo gặp ông Võ Văn P kêu bán nhưng ông P không mua. Bị cáo điều khiển xe mô tô đến tiệm sửa xe của ông Thiều Phước H bán cho ông H với giá 1.500.000 đồng. Bị cáo tiêu xài 440.000 đồng. Đến ngày 23/7/2019, biết hành vi chiếm đoạt tài sản bị phát hiện nên bị cáo đến Công an xã L đầu thú và giao nộp số tiền 1.060.000 đồng.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 23/7/2019 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới lập; lời khai của bà Nguyễn Thị Đ, bà Đỗ Thị Bé C về việc bà Đ có đậu xe mô tô biển số 67H1-7365 trước sân nhà của bà Bé C vào khoảng 19 giờ ngày 19/7/2019. Đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 20/7/2019, bà Đ phát hiện mất xe mô tô nên đến Công an trình báo; lời khai của ông Võ Văn P về việc bị cáo gặp ông P và kêu bán xe mô tô 67H1-7365 với giá 2.000.000 đồng. Khi đó, do nghi ngờ xe mô tô do trộm cắp mà có nên ông P kêu bị cáo đưa giấy chứng minh nhân dân photo và cho bị cáo 30.000 đồng để đồ xăng rồi đến Công an trình báo; lời khai của ông Thiều Phước H về việc bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 67H1-7365 đến gặp và bán cho ông H với giá 1.500.000 đồng. Khi biết xe mô tô biển số 67H1-7365 do bị cáo chiếm đoạt của người khác, ông H đã giao nộp cho Công an.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện chủ sở hữu sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Đ.

Theo Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 25/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, xe mô tô biển số 67H1-7365, đã qua sử dụng, trị giá 3.500.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Đ là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng đêm khuya, tài sản không có người trông giữ, nhanh chóng mang tài sản đi nơi khác tiêu thụ, không nói rõ nguồn gốc tài sản khi tiêu thụ và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa.

Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở

hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang cho những người dân sống xung quanh nơi xảy ra sự việc.

Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân không tốt do đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng vào năm 2003, đưa vào cơ sở giáo dục vào năm 2006 và bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 17/11/2009.

Do đó, cần có hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo; bị cáo đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có nghề nghiệp, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, ông Thiều Phước H đã có hành vi mua xe mô tô biển số 67H1-7365 từ bị cáo. Tuy nhiên, ông H không biết xe mô tô này do phạm tội mà có. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với ông H là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng, trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả lại cho bà Đ xe mô tô biển số 67H1-7365 cùng giấy đăng ký xe mô tô; giao trả cho ông H số tiền 1.060.000 đồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề cập xử lý lại.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi nhận lại xe mô tô biển số 67H1-7365 cùng giấy tờ xe, bà Đ không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Hợp đồng mua bán xe mô tô biển số 67H1-7365 giữa bị cáo với ông H là vô hiệu. Tuy nhiên, sau khi nhận lại số tiền 1.060.000 đồng, ông H không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền 440.000 đồng đã trả khi mua xe.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về vấn đề dân sự trong vụ án hình sự.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N (C) phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Nguyễn Thành N: 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, ngày 23/7/2019 (*ngày hai mươi ba, tháng bảy, năm hai nghìn không trăm mười chín*).

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thành N phải chịu 200.000 (*hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bà Nguyễn Thị Đ, ông Thiệu Phước H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Đỗ Thị Bé C là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an H. C;
- CQTHAHS Công an H. C;
- CQĐT Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. C;
- Bộ phận THA Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Chí Bình